

VINACAPITAL-VIBF

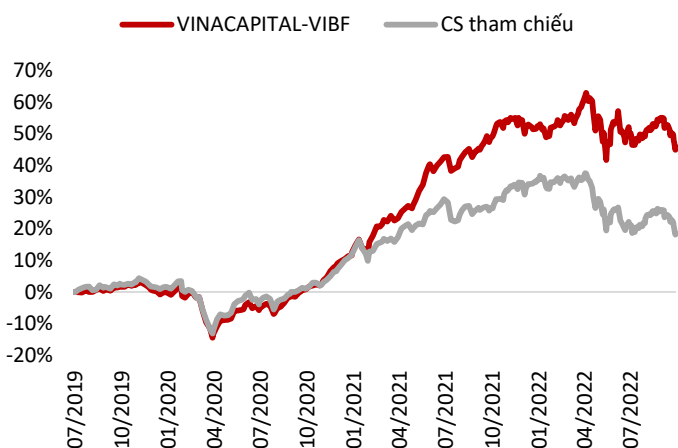
Chiến lược đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là giúp nhà đầu tư tiếp cận được những cổ phiếu tiềm năng đồng thời đầu tư vào trái phiếu để giảm thiểu rủi ro biến động giá. Chiến lược phân bổ của Quỹ là 50:50.

Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty.

Quỹ cũng sẽ đầu tư vào trái phiếu, giấy tờ có giá và các sản phẩm có thu nhập cố định khác được phát hành bởi những công ty uy tín, có lợi nhuận bền vững và khả năng đáp ứng nguồn vốn tốt, trong khi vẫn đáp ứng được tỷ suất sinh lời yêu cầu của nhà đầu tư.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VINACAPITAL-VIBF

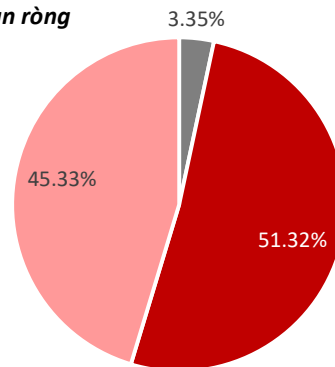
	VINACAPITAL-VIBF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	657.9	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	14,577.3	
Lợi nhuận tháng 09/2022 (%)	-5.9	-5.6
Lợi nhuận từ đầu năm 2022 (%)	-4.3	-10.1
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	12.8	4.9
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	12.3	5.3
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	45.8	18.4

\*CSTC: Chỉ số tham chiếu (Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: [irwm@vinacapital.com](mailto:irwm@vinacapital.com)  
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Tiền mặt ■ CD & Trái phiếu & Tiền gửi NH ■ Cổ phiếu

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	2/7/2019
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 1.5% >= 12 tháng 0.5% >= 24 tháng
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	Bình quân của VN-Index và lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank

Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VINACAPITAL-VIBF	CSTC
P/E (x) (*)	9.7	12.2
P/B (x) (*)	2.5	1.9
ROE (%) (*)	23.2	15.4
Lợi suất cổ tức (%)	1.7	1.7
Số lượng chứng khoán	23	401

(\*) Số liệu 12 tháng gần nhất

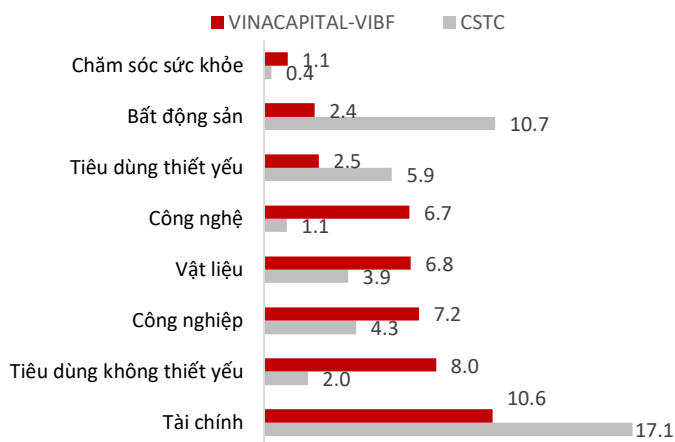
Chỉ số danh mục trái phiếu

Thời gian đáo hạn bình quân (năm)	1.0
Lợi suất khi đáo hạn (%)	8.5

Nguồn: Bloomberg, dự báo của VinaCapital

**Phân bổ theo ngành**

% Giá trị tài sản ròng



**Danh mục đầu tư lớn**

Tên	Ngành	Tỷ trọng (%)	
<b>Cổ phiếu</b>	FPT	Công nghệ	6.7
	MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	5.2
	MBB	Tài chính	4.5
	DPR	Vật liệu	3.2
	REE	Công nghiệp	2.9
<b>Trái phiếu</b>	MSN12003	Tiêu dùng thiết yếu	9.6
	KDHH2225001	Bất động sản	6.9
	KBC121020	Bất động sản	6.6

**Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VIBF**

**CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU**

Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng mạnh trên các kỳ hạn, phản ánh thanh khoản thị trường và kỳ vọng lãi suất tăng. Cụ thể, lợi suất trái phiếu trên hầu hết các kỳ hạn tăng khoảng 100-190 điểm cơ bản so với tháng trước, và tăng từ 200-400 điểm cơ bản so với đầu năm. Đường cong lợi suất trở nên phẳng hơn, và tịnh tiến lên trên với mặt bằng lãi suất cao hơn nhiều so với trước Covid. Trên thị trường sơ cấp, khối lượng trúng thầu giảm đáng kể, với khoảng 10,2 nghìn tỷ đồng được phát hành, giảm 60,9% so với tháng trước. Tỷ lệ đặt thầu ở mức 1,2 lần trong khi đó tỷ lệ trúng thầu đạt 37% (so với 80% trong tháng 8). Do đó, lãi suất trúng thầu tăng trong kỳ hạn 10 năm (tăng 15 điểm cơ bản, đạt 35%), và trong kỳ hạn 15 năm (tăng 15 điểm cơ bản, đạt 3.25%). Từ đầu năm tới nay, KBNN mới hoàn thành 28,7% kế hoạch phát hành năm do áp lực từ giải ngân đầu tư công còn thấp (9 tháng đầu năm khối lượng giải ngân mới đạt 46,7% kế hoạch năm).

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, có khoảng 15,6 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp được phát hành trong tháng thông qua phát hành riêng lẻ, (giảm 77,1% so với cùng kỳ năm trước). Về cơ cấu phát hành, nhóm ngành ngân hàng và bất động sản chiếm đa số với tỷ trọng 59,7% và 21,8% tổng giá trị phát hành. Trong đó, riêng nhóm ngành bất động sản vẫn chứng kiến mức sụt giảm 88,1% so với cùng kỳ.

**Lợi nhuận hằng tháng**

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
<b>2020</b>	-1.31%	-0.60%	-12.68%	6.58%	3.66%	-0.42%	-0.95%	5.55%	2.40%	1.61%	5.70%	3.96%	12.67%
<b>2021</b>	-0.41%	8.27%	1.46%	3.33%	9.86%	1.91%	-0.71%	1.97%	2.90%	3.85%	-0.23%	-1.03%	35.22%
<b>2022</b>	-0.10%	1.93%	3.11%	-2.76%	-1.63%	-1.71%	-0.78%	3.86%	-5.88%				-4.26%

**Thông tin quan trọng**

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.

**Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VIBF (tt)**

**CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU**

Chỉ số VN-Index giảm 11,6% trong tháng 9 do thông điệp thắt chặt tiền tệ từ Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) và quyết định tăng lãi suất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN). Tính từ đầu năm, VN-Index đã giảm 24,4%.

Chứng khoán thế giới giảm mạnh sau thông điệp “điều hòa” của Chủ tịch Fed Jerome Powell tại hội nghị Jackson Hole. Chỉ số S&P 500 và STOXX Europe 600 giảm 9,3% và 9,0% trong tháng 9. Ở trong nước, gần như cùng lúc với việc Fed nâng lãi suất cơ bản thêm 0,75% lên mức 3,0 – 3,25%, NHNN đã tăng lãi suất tái cấp vốn từ 4,0% lên 5,0%, lãi suất tái chiết khấu từ 2,5% lên 3,0%, và lãi suất trần cho tiền gửi kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng từ 4,0% lên 5,0%. Sau quyết định tăng lãi suất của NHNN, nhiều ngân hàng đã nâng lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng lên thẳng mức trần 5,0%. Lãi suất tiền gửi các kỳ hạn 6 tháng trở lên cũng tăng khoảng 0,5% trong tháng 9 và 1,0 – 1,5% từ đầu năm, dao động tùy từng ngân hàng và kỳ hạn.

Với áp lực mạnh lên của đồng USD, đồng Việt Nam mất giá 1,7% trong tháng 9 và 4,5% từ đầu năm so với đồng USD. Trong tháng 9, NHNN đã tăng giá bán USD hai lần từ 23.400 đ lên 23.700 đ, sau đó lên tiếp 23.925 đ.

Tâm lý thị trường yếu, với giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày trong tháng 9 giảm còn 660 triệu USD, thấp hơn 16% so với tháng 8, tính trên cả 3 sàn. Khối ngoại trở lại bán ròng trong tháng với giá trị bán ròng 147,2 triệu USD, kéo giá trị mua ròng tính từ đầu năm chỉ giảm còn 9,2 triệu USD.

Trái ngược với xu hướng giảm của thị trường chứng khoán, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cao hơn kỳ vọng với GDP trong quý 3 tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước, đưa tăng trưởng 9 tháng đầu năm lên 8,8%. Chỉ số sản xuất công nghiệp và Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong tháng 9 vẫn duy trì xu hướng tăng sau tăng cao hơn tháng trước, tăng 1,8% và 1,0% so với tháng 8. Tuy nhiên, xuất khẩu và nhập khẩu tháng 9 lại giảm 14,3% và 7,3% so với tháng 8, cho thấy sự chậm lại của nền kinh tế thế giới đã ảnh hưởng đến Việt Nam. Lạm phát tăng cao hơn trong tháng 9 với chỉ số CPI tăng 0,4% so với tháng 8 và 3,9% so với tháng 9/2021, chủ yếu do nhóm giáo dục và chi phí thuê nhà ở.

Bước vào đầu tháng 10, thanh khoản trong hệ thống ngân hàng tiếp tục gặp áp lực khi lãi suất liên ngân hàng dao động quanh mức 5% và có thời điểm tăng vọt lên trên 8%. Trong 9 tháng đầu năm, lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm đã tăng 2,66% lên mức 4,76%. Chúng tôi duy trì quan điểm rằng ở mức định giá hiện tại (P/E 2022 là 10,8 lần với tăng trưởng EPS 2022 và 2023 đạt 15% và 19%, theo dữ liệu của Bloomberg), thị trường chứng khoán Việt Nam đang hấp dẫn cho đầu tư dài hạn. Tuy nhiên, với những diễn biến khó lường từ các yếu tố ở cả trong lẫn ngoài nước, không loại trừ khả năng những biến động trên thị trường vẫn còn tiếp tục.

**CẬP NHẬT QUỸ VINACAPITAL-VIBF**

Giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ của VINACAPITAL-VIBF giảm 5,9% trong tháng 9/2022. Tính từ đầu năm, quỹ VINACAPITAL-VIBF giảm 4,3%, trong khi chỉ số tham chiếu giảm 10,1%.

Các doanh nghiệp nằm trong danh mục đầu tư lớn của VINACAPITAL-VIBF được kỳ vọng sẽ đạt kết quả kinh doanh khả quan trong quý 3/2022. FPT, cổ phiếu lớn nhất trong danh mục của quỹ, công bố lợi nhuận ròng trong 8 tháng đầu năm đạt 3,41 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 30% so với cùng kỳ. Trong 8 tháng đầu năm, giá trị hợp đồng ký mới của mảng dịch vụ công nghệ thông tin nước ngoài tăng 42% so với cùng kỳ năm trước, đạt 14,5 nghìn tỷ đồng.

MBB, ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong danh mục của quỹ, được kỳ vọng sẽ đạt tăng trưởng cao hơn mức trung bình ngành do vừa được cấp hạn mức tín dụng cao hơn nhờ việc hỗ trợ một tổ chức tín dụng yếu kém. Kết quả kinh doanh 8 tháng của MBB cũng tăng trưởng tốt, với lợi nhuận trước thuế của ngân hàng mẹ đạt khoảng 14,5 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 45% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với MWG, công ty kỳ vọng kết quả kinh doanh sẽ cải thiện trong 6 tháng cuối năm do lỗ từ Bách Hóa Xanh sẽ giảm sâu khi việc tái cơ cấu chuỗi cửa hàng Bách Hóa Xanh được hoàn tất.